

Số: 60/2020/QĐST-HNGĐ

A Lưới, ngày 17 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Lê Thị Bích L, sinh năm: 1994;

- Anh Lê Văn L, sinh năm: 1990;

Cùng có địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích L và anh Lê Văn L đăng ký kết hôn ngày 20/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian đến khoảng năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, sống không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không ai còn quan tâm gì tới nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh L đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn việc thuận tình ly hôn giữa chị L và anh L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Bích L và anh Lê Văn L.

[2] Về con chung: Chị Lê Thị Bích L và anh Lê Văn L có một người con tên Lê Hoàng Bá C, sinh ngày 18/7/2011. Chị L và anh L thỏa thuận thống nhất giao cháu C cho anh L trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu C mỗi tháng số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu C đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sự thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Chị Lê Thị Bích L và anh Lê Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Lê Thị Bích L và anh Lê Văn L thỏa thuận anh L chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích L và anh Lê Văn L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Bá C, sinh ngày 18/7/2011 cho anh Lê Văn L trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); Chị Lê Thị Bích L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là cháu Lê Hoàng Bá C mỗi tháng số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Lê Hoàng Bá C trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Hiện nay cháu Lê Hoàng Bá C đang do anh Lê Văn L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, chị Lê Thị Bích L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiếp cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Chị Lê Thị Bích L và anh Lê Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Văn L chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí việc dân sự đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/004361 ngày 30/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A Lưới. Anh Lê Văn L đã nộp đủ lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND huyện A Lưới;
- Chi cục THADS huyện A Lưới;
- UBND xã Hồng Thượng;
- (Đăng ký số: 07 ngày 20/3/2012)
- Lưu hồ sơ việc dân sự;
- Lưu văn thư.

THẨM PHÁN

Hồ Văn Nhàn